TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:44/2017/HNGĐ-ST
Ngày:28-9-2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bằng

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:117/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:41/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

***2. Bị đơn*: Dương Thị Thanh L**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt anh L, vắng mặt chị L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Thanh L sống chung với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/11/2015. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 4 năm 2016 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L không có trách nhiệm, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Đến tháng 4 năm 2016 chị L bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống và anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Đã hơn một năm anh và chị L không còn liên

hệ, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng của anh và chị L không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Dương Thị Thanh L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Dương Thị Thanh L, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ chị Dương Thị Thanh L nhiều lần nhưng chị L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Dương Thị Thanh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Dương Thị Thanh L có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn chị Dương Thị Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Dương Thị Thanh L sống chung có đăng ký kết hôn năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh L cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc do anh, chị bất đồng quan điểm sống, chị L không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh và chị L đều nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nên đến tháng tháng 4 năm 2016 chị L đã bỏ về nhà mẹ ruột ở và anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc L.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Dương Thị Thanh L không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn với chị Dương Thị Thanh L.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Ngọc L đã nộp theo biên lai thu số 25602 ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Chị Dương Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, huyện C, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương